TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TỊNH BIÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-04-2024
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Châu Nam Phú.

Hội thẩm nhân dân: ông Trần Thanh Hoàng và ông Nguyễn Lâm Tới.

Thư ký phiên tòa: ông Lê Quốc Trung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên.

Ngày 26 tháng 04 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 315/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp *"Xin ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2024/QĐXX-ST ngày 05 tháng 04 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Lê Thị Việt H, sinh năm 1977; nơi cư trú: tổ C, ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1980; nơi cư trú: tổ C, ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Việt H trình bày và yêu cầu Tòa án giải:

Về hôn nhân: bà H và ông Đ tự chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 cho đến ngày nay nhưng không có đăng ký kết hôn; cuộc sống hôn nhân chung sống không hạnh phúc, đỉnh điểm kể từ tháng 10 năm 2022 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông Đ không quan tâm, chia sẽ và không chăm lo cho bà H khi bà H bệnh, thường xuyên cãi vã nhau dẫn đến bất hòa không khắc phục được, do không chịu được tính tình của ông Đ nên đến tháng 6 năm 2023, bà H chuyển đến nhà em ruột của bà H sinh sống đến nay, trong thời gian bà H sống ly thân, bà H và ông Đ không còn liên lạc nhau. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ gia đình, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: bà H và ông Đ có 01 con chung tên Phạm Tấn Đ1, sinh ngày 24/12/1995, hiện con đã thành niên và sống tự lập nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết và khai không có nợ chung.

2. Tại Bản tự khai ngày 05/12/2023, quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Phạm Văn Đ trình bày:

Về hôn nhân: ông Đ và bà H tự chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1995, nhưng đến ngày nay không có đăng ký kết hôn là đúng. Cuộc sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng, chỉ có cự cải những chuyện nhỏ nhặt gia đình, ông Đ không chửi mắn hay đánh đập vợ, việc bà H cho rằng ông Đ không quan tâm, chăm lo cho bà H khi bà H đau bệnh là do khi đó ông Đ cũng đang bị bệnh thoái hóa xương nên không chăm lo cho vợ được. Việc bà H chuyển đến nhà em ruột của bà sống là do bà H tự bỏ đi chứ ông Đ không có xua đuổi. Nay bà H yêu cầu ly hôn ông Đ không đồng ý vì ông Đ còn thương vợ. Tại phiên tòa, do bà H kiên quyết xin ly hôn nên ông cũng đồng ý.

Về con chung: ông Đ và bà H có 01 con chung tên Phạm Tấn Đ1, sinh ngày 24/12/1995, hiện con đã thành niên và sống tự lập nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết và khai không có nợ chung.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự có mặt; không ai giao nộp tài liệu, chứng cứ gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hôn nhân gia đình về việc xin ly hôn và bị đơn ông Đ có nơi cư trú trên địa bàn thị xã T, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quan hệ hôn nhân giữa bà H, ông Đ được xác lập vào năm 1995 trước ngày Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 và Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực, nay phát sinh tranh chấp thì áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 (Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 đã thay thế Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986) để giải quyết theo quy định tại Điều 109 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Đ tiến đến hôn nhân, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình 2000 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 và hướng dẫn tại điểm c Mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000.

Do đó, bà Lê Thị Việt H, ông Phạm Văn Đ có yêu cầu ly hôn thì Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.

[5] Về quan hệ con chung: bà H và ông Đ có một đứa con chung tên Phạm Tấn Đ1, sinh ngày 24/12/1995, con chung đã trưởng thành, có nghề nghiệp tư nuôi sống mình; các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết và cùng khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban ường"Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn bà Lê Thị Việt H là người xin ly hôn nên phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình.

- Bị đơn ông Phạm Văn Đ không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 11, Điều 92, Điều 94 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban ường"Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Việt H

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Lê Thị Việt H và ông Phạm Văn Đ là vợ chồng.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Lê Thị Việt H phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009371 ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên.

Về quyền kháng cáo: các đương sự có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều"Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm satgs nhân dân thị xã Tịnh Biên
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ và Văn phòng.

Châu Nam Phú